

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2019

“Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoài Nam: Bí thư đoàn thị trấn Krông Kmar

2. Bà Trương Thị Lệ Chi: Phó chủ tịch Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: TDP 4, thị trấn K, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** Huỳnh Vĩnh Đ, sinh năm 1968 ( có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: TDP 2, thị trấn K, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Số 29 đường A, khu phố BP, thị trấn TK, huyện TP, tỉnh Quảng Nam

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2018, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy T trình bày:*

- Chị và anh Huỳnh Vĩnh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 mà không đăng ký kết hôn. Đến nay chị và anh Đ vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về tình cảm và kinh tế, bản thân anh Đ thường xuyên vô cớ đánh đập chị. Từ khoảng đầu năm 2018 đến nay, chị và anh Đ không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm để về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, không công nhận mối quan hệ giữa chị với anh Đ là vợ chồng.

- Về con chung: chị và anh Đ có 03 người con chung, đó là: Huỳnh Vĩnh L, sinh ngày 02/01/1990; Huỳnh Vĩnh H, sinh ngày 12/8/1999 và Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/6/2001.

Hiện nay, các con chung là L và H đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con. Đối với con chung là Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/6/2001, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 27/12/2018, bị đơn anh Huỳnh Vĩnh Đ trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy T chung sống như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh và chị T có với nhau 03 con chung là: Huỳnh Vĩnh L, sinh năm 1990; Huỳnh Vĩnh H, sinh năm 1999 và Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 2001. Thời gian chung sống thì đến tháng 05/2018, anh phát hiện ra chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên anh chị đã không còn chung sống với nhau, ở riêng từ đó đến nay. Anh bỏ về quê nhà sinh sống với cha mẹ ở tại huyện TP, tỉnh Quảng Nam. Nay xét thấy tình cảm không

còn, anh thống nhất ly hôn với chị T. Cũng theo anh Đ hai con đầu của anh chị là L và H đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung là D anh thống nhất theo nguyện vọng chị T là giao D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành.

Ngày 27/12/2018, anh Đ cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, qua đó anh trình bày do bận công việc làm ăn nên không thể đến tòa án để làm việc cũng như tham gia phiên xét xử vụ án được.

*Tại bản tự khai ngày 08/01/2019, Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:*

Tôi là con của cha Huỳnh Vĩnh Đ và mẹ Nguyễn Thị Thúy T. Bản thân mình là con cái không muốn cha mẹ ly hôn nhưng đây là quyết định của cha mẹ nên không có ý kiến gì. Trường hợp khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để cháu tiện đi học năm cuối cấp, hiện nay cháu đang học lớp 12 ở trường THPT huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về trình tự, thủ tục của vụ án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, anh Huỳnh Vĩnh Đ vắng mặt nhưng anh Huỳnh Vĩnh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ có hộ khẩu thường trú tại thị trấn K, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Mặc dù , hiện nay, anh Huỳnh Vĩnh Đ đã về ở với cha mẹ đẻ tại số nhà 29 đường A, khối phố BP, thị trấn TK, huyện TP, tỉnh Quảng Nam nhưng không có đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương. Do vậy, căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự : Việc Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị T và anh Đ không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Nguyễn Thị Thúy T nhận thấy không thể níu kéo hạnh phúc gia đình được nữa nên yêu cầu ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa chị và anh Đ là quan hệ vợ chồng, anh Đ cũng đồng ý với ý kiến của chị T. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc không công nhận mối quan hệ giữa chị T và anh Đ là quan hệ vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Vụ án không công nhận là vợ chồng giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Các đương sự có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn K, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Mặc dù, hiện nay anh Huỳnh Vĩnh Đ đang ở cùng cha mẹ tại số nhà 29 đường A, khối phố BP, thị trấn TK, huyện TP, tỉnh Quảng Nam nhưng không có đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương.

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự : Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông , tỉnh Đắk Lắk .

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, anh Huỳnh Vĩnh Đ vắng mặt nhưng anh Huỳnh Vĩnh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*[2] Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ chung

sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Mặt khác, cuộc sống chung giữa chị T và anh Đ không có hạnh phúc, không thể hòa hợp, chị T yêu cầu ly hôn, không công nhận mối quan hệ giữa chị và anh Đ là vợ chồng, anh Đ cũng đồng ý với ý kiến của chị T. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận đề nghị của chị T: Không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ có 03 người con chung là Huỳnh Vĩnh L, sinh ngày 02/01/1990; Huỳnh Vĩnh H, sinh ngày 12/8/1999 và Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/6/2001. Hai người con trai đầu là L và H đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe có thể lo cho cuộc sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Còn con chung là Huỳnh Thị Mỹ D chưa đủ 18 tuổi, đang đi học, chị T và anh Đ thỏa thuận giao con chung là Huỳnh Thị Mỹ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của người con chung Huỳnh Thị Mỹ D khi cha mẹ ly hôn là D muốn được ở với mẹ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ phải đóng góp phí tổn để nuôi con nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy T: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ là vợ chồng.

### **2. Về con chung:**

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Huỳnh Vĩnh Đ về việc giao con chung chưa thành niên là Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 16/6/2001 cho chị Nguyễn Thị Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thúy T đã nộp theo biên lai 0001944 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Thị Huế**



